

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-8-2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Trọng Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Trần V Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Cao Thị Mỹ K** – sinh năm 1996

Địa chỉ: số nhà 369, tổ 7, ấp A 2, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

**- Bị đơn:** Anh **Trịnh Đình V** – sinh năm 1995

Địa chỉ: số nhà 18/6, ấp 7, xã PL1, huyện TP, tỉnh ĐN

(Chị K và anh V đều có đơn yêu cầu vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019, bản tự khai ngày 18/3/2019, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/3/2019, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/3/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/7/2019 nguyên đơn chị Cao Mỹ K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn ngày 29/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã PL1, huyện TP, tỉnh ĐN. Hai người chung sống hạnh phúc được 01 tháng thì bất đồng quan điểm sống do tính tình không hòa hợp, anh V uống rượu về nhà chửi bới xúc phạm chị. Đồng thời chị đi làm về trễ nên cha mẹ chồng không thông cảm mà còn la mắng chị. Từ tháng 10/2018 đến nay chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Trong thời gian không sống chung thì chị và anh V không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về nuôi con chung: Chị K trình bày có 01 con chung Trịnh Ngọc Phương D, sinh ngày 25/7/2017. Từ khi sống ly thân đến nay chị là người nuôi dưỡng con chung

nên chị K yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung: Chị K trình bày chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị K kê khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 29/3/2019, biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/3/2019 bị đơn anh Trịnh Đình V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh V thừa nhận như lời chị K trình bày là đúng. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ tháng 01/2019 chị K bỏ nhà đi và vợ chồng đã không sống chung từ đó cho đến nay. Nay chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng đồng thời anh cũng không còn tình cảm yêu thương dành cho vợ.

- Về nuôi con chung: Anh V trình bày có 01 con chung tên Trịnh Ngọc Phương D, sinh ngày 25/7/2017. Nay ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Anh V trình bày anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Anh V kê khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các V bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh V mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K. Về con chung: Qua chứng cứ thu thập được thì chị K có đủ điều kiện nuôi con chung. Đề nghị giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị K phải chịu án phí HNGĐ và anh V phải chịu án phí DSST về cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trịnh Đình V cư trú tại ấp 7, xã PL1, huyện TP, tỉnh ĐN nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện TP có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về tư cách đương sự: Chị Cao Thị Mỹ K khởi kiện xin ly hôn với anh Trịnh Đình V nên chị K là nguyên đơn, anh V là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh V nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị K và anh V đều có đơn yêu cầu vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự - Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh V sống chung có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2016 tại UBND xã PL1 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ở địa phương đề ngày 08/4/2019 thể hiện cuộc sống chung giữa chị K và anh V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, khi anh V bị tai nạn giao thông dẫn đến khó khăn về kinh tế. Anh V thừa nhận không còn tình cảm yêu thương dành cho chị K nhưng không đồng ý ly hôn, tuy nhiên trong thời gian sống ly thân thì anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng bỏ mặc vợ con.

Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên cuối năm 2018 đến nay, anh V và chị K không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh V đã trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K, cho chị được ly hôn với anh V, quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị K có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Từ cuối năm 2018 đến nay chị K là người chăm sóc con, hiện nay con chung mới đủ 24 tháng tuổi. Anh V đồng ý giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu Trịnh Ngọc Phương D, sinh ngày 25/7/2017 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2019. Anh V có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung anh V và chị K có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Chị K và anh V tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị K và anh V khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh V phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27; điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Mỹ K. Cho chị K được ly hôn với anh Trịnh Đình V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trịnh Ngọc Phương D, sinh ngày 25/7/2017 cho chị Cao Thị Mỹ K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ(hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Anh V có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh V và chị K có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị K và anh V tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị K và anh V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng mà chị K đã nộp theo biên lai số 006064 ngày 18/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP được chuyển thành án phí. Chị K đã nộp đủ án phí.

Anh Trịnh Đình V phải chịu 150.000đ(một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Cao Thị Mỹ K và anh Trịnh Đình V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PL1(Số 65/2016 ngày 29/8/2016) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Lan**

